

PHỤ LỤC 03. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DANH MỤC CÁC DỰ ÁN NHÀ Ở TÁI ĐỊNH CƯ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /04/2025 của UBND tỉnh Bình Định)

Phê duyệt tại Quyết định số 898/QĐ-UBND ngày 16/03/2025				Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung				Chênh lệch diện tích sử dụng đất (ha)	Ghi chú
STT	Khu vực/dự án	Vị trí	Diện tích sử dụng đất (ha)	STT	Khu vực/dự án	Vị trí	Diện tích sử dụng đất (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (8) - (4)	(10)
VI	Huyện Tuy Phước			VI	Huyện Tuy Phước				Bổ sung 03 dự án
				12	Khu TĐC thôn Bình An 1	Xã Phước Thành	5,00	5,00	Bổ sung theo Văn bản số 584/UBND-KTHTĐT ngày 16/04/2025 của UBND huyện Tuy Phước
				13	Khu TĐC thôn Cảnh An 1	Xã Phước Thành	0,50	0,50	Bổ sung theo Văn bản số 584/UBND-KTHTĐT ngày 16/04/2025 của UBND huyện Tuy Phước
				14	Khu TĐC xã Phước An	Xã Phước An	5,00	5,00	Bổ sung theo Văn bản số 584/UBND-KTHTĐT ngày 16/04/2025 của UBND huyện Tuy Phước
VII	Huyện Tây Sơn			VII	Huyện Tây Sơn				Bổ sung 06 dự án
				7	Khu tái định cư xã Tây An tại thôn Trà Sơn, xã Tây An	Thôn Trà Sơn, xã Tây An	3,00	3,00	Bổ sung thêm để thực hiện TĐC theo Văn bản số 729/UBND-KTN ngày 17/04/2025 của UBND huyện Tây Sơn

Phê duyệt tại Quyết định số 898/QĐ-UBND ngày 16/03/2025				Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung				Chênh lệch diện tích sử dụng đất (ha)	Ghi chú
STT	Khu vực/dự án	Vị trí	Diện tích sử dụng đất (ha)	STT	Khu vực/dự án	Vị trí	Diện tích sử dụng đất (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (8) - (4)	(10)
				8	Khu tái định cư xã Bình Thành tại thôn Kiên Long, xã Bình Thành	thôn Kiên Long, xã Bình Thành	16,60	16,60	Điều chỉnh, bổ sung từ Khu thương mại, khu dân cư để thực hiện TĐC theo Văn bản số 729/UBND-KTN ngày 17/04/2025 của UBND huyện Tây Sơn
				9	Khu tái định cư xã Bình Thành tại thôn Phú Lạc, xã Bình Thành	thôn Phú Lạc, xã Bình Thành	8,64	8,64	Bổ sung thêm để thực hiện TĐC theo Văn bản số 729/UBND-KTN ngày 17/04/2025 của UBND huyện Tây Sơn
				10	Khu tái định cư xã Bình Hòa tại thôn Trường Định 2, xã Bình Hòa	thôn Trường Định 2, xã Bình Hòa	5,27	5,27	Bổ sung thêm để thực hiện TĐC theo Văn bản số 729/UBND-KTN ngày 17/04/2025 của UBND huyện Tây Sơn
				11	Khu tái định cư xã Bình Tường tại thôn Hòa Trung, xã Bình Tường	thôn Hòa Trung, xã Bình Tường	7,25	7,25	Bổ sung thêm để thực hiện TĐC theo Văn bản số 729/UBND-KTN ngày 17/04/2025 của UBND huyện Tây Sơn

Phê duyệt tại Quyết định số 898/QĐ-UBND ngày 16/03/2025				Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung				Chênh lệch diện tích sử dụng đất (ha)	Ghi chú
STT	Khu vực/dự án	Vị trí	Diện tích sử dụng đất (ha)	STT	Khu vực/dự án	Vị trí	Diện tích sử dụng đất (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (8) - (4)	(10)
				12	Khu tái định cư xã Tây An tại thôn Trà Sơn, xã Tây An	Thôn Trà Sơn, xã Tây An	1,00	1,00	Điều chỉnh, bổ sung từ Khu thương mại, khu dân cư để thực hiện TĐC theo Văn bản số 729/UBND-KTN ngày 17/04/2025 của UBND huyện Tây Sơn
VIII	Thị xã Hoài Nhơn			VIII	Thị xã Hoài Nhơn				Bổ sung 20 dự án
				38	Khu TĐC phục vụ dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc – Nam điểm thôn An Đỗ, xã Hoài Sơn	Xã Hoài Sơn	1,21	1,21	Bổ sung theo Văn bản số 1815/UBND-TH ngày 17/04/2025 của UBND thị xã Hoài Nhơn
				39	Khu TĐC phục vụ dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc – Nam điểm thôn Cẩm Hậu, xã Hoài Sơn	Xã Hoài Sơn	9,90	9,90	Bổ sung theo Văn bản số 1815/UBND-TH ngày 17/04/2025 của UBND thị xã Hoài Nhơn
				40	Khu TĐC phục vụ dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc – Nam điểm thôn Hy Văn, xã Hoài Sơn	Xã Hoài Sơn	12,40	12,40	Bổ sung theo Văn bản số 1815/UBND-TH ngày 17/04/2025 của UBND thị xã Hoài Nhơn

Phê duyệt tại Quyết định số 898/QĐ-UBND ngày 16/03/2025				Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung				Chênh lệch diện tích sử dụng đất (ha)	Ghi chú
STT	Khu vực/dự án	Vị trí	Diện tích sử dụng đất (ha)	STT	Khu vực/dự án	Vị trí	Diện tích sử dụng đất (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (8) - (4)	(10)
				41	Khu TĐC phục vụ dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc – Nam điểm thôn Tường Sơn Nam, xã Hoài Sơn	Xã Hoài Sơn	3,04	3,04	Bổ sung theo Văn bản số 1815/UBND-TH ngày 17/04/2025 của UBND thị xã Hoài Nhơn
				42	Khu TĐC phục vụ dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc – Nam điểm thôn Tuy An, xã Hoài Châu Bắc	Xã Hoài Châu Bắc	3,52	3,52	Bổ sung theo Văn bản số 1815/UBND-TH ngày 17/04/2025 của UBND thị xã Hoài Nhơn
				43	Khu TĐC phục vụ dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc – Nam điểm thôn Tân Trung, xã Hoài Châu	Xã Hoài Châu	4,20	4,20	Bổ sung theo Văn bản số 1815/UBND-TH ngày 17/04/2025 của UBND thị xã Hoài Nhơn
				44	Khu TĐC phục vụ dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc – Nam điểm thôn Lương Thọ 2, xã Hoài Phú	Xã Hoài Phú	5,28	5,28	Bổ sung theo Văn bản số 1815/UBND-TH ngày 17/04/2025 của UBND thị xã Hoài Nhơn
				45	Khu TĐC phục vụ dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc – Nam điểm thôn Cự Tài 2, xã Hoài Phú	Xã Hoài Phú	2,95	2,95	Bổ sung theo Văn bản số 1815/UBND-TH ngày 17/04/2025 của UBND thị xã Hoài Nhơn

Phê duyệt tại Quyết định số 898/QĐ-UBND ngày 16/03/2025				Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung				Chênh lệch diện tích sử dụng đất (ha)	Ghi chú
STT	Khu vực/dự án	Vị trí	Diện tích sử dụng đất (ha)	STT	Khu vực/dự án	Vị trí	Diện tích sử dụng đất (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (8) - (4)	(10)
				46	Khu TĐC phục vụ dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc – Nam điểm khu phố Hội Phú, phường Hoài Hảo	Phường Hoài Hảo	3,50	3,50	Bổ sung theo Văn bản số 1815/UBND-TH ngày 17/04/2025 của UBND thị xã Hoài Nhơn
				47	Khu TĐC phục vụ dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc – Nam điểm khu phố Cự Lễ, phường Hoài Hảo	Phường Hoài Hảo	5,00	5,00	Bổ sung theo Văn bản số 1815/UBND-TH ngày 17/04/2025 của UBND thị xã Hoài Nhơn
				48	Khu TĐC phục vụ dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc – Nam điểm khu phố Giao Hội 2, phường Hoài Tân	Phường Hoài Tân	2,00	2,00	Bổ sung theo Văn bản số 1815/UBND-TH ngày 17/04/2025 của UBND thị xã Hoài Nhơn
				49	Khu TĐC phục vụ dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc – Nam điểm khu phố Đệ Đức 1, phường Hoài Tân	Phường Hoài Tân	2,00	2,00	Bổ sung theo Văn bản số 1815/UBND-TH ngày 17/04/2025 của UBND thị xã Hoài Nhơn
				50	Khu TĐC phục vụ dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc – Nam điểm khu phố Thiết Đỉnh Nam, phường Bồng Sơn	Phường Bồng Sơn	4,80	4,80	Bổ sung theo Văn bản số 1815/UBND-TH ngày 17/04/2025 của UBND thị xã Hoài Nhơn

Phê duyệt tại Quyết định số 898/QĐ-UBND ngày 16/03/2025				Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung				Chênh lệch diện tích sử dụng đất (ha)	Ghi chú
STT	Khu vực/dự án	Vị trí	Diện tích sử dụng đất (ha)	STT	Khu vực/dự án	Vị trí	Diện tích sử dụng đất (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (8) - (4)	(10)
				51	Khu TĐC phục vụ dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc – Nam điểm khu phố Lại Khánh, phường Hoài Đức	Phường Hoài Đức	7,00	7,00	Bổ sung theo Văn bản số 1815/UBND-TH ngày 17/04/2025 của UBND thị xã Hoài Nhon
				52	Khu TĐC phục vụ dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc – Nam điểm khu phố Văn Cang và Diễn Khánh, phường Hoài Đức	Phường Hoài Đức	3,50	3,50	Bổ sung theo Văn bản số 1815/UBND-TH ngày 17/04/2025 của UBND thị xã Hoài Nhon
				53	Khu TĐC phục vụ dự án Tuyến đường kết nối từ đường bộ cao tốc Bắc - Nam đến Khu Công nghiệp Hoài Mỹ, thị xã Hoài Nhon (điểm phường Hoài Thanh)	Phường Hoài Thanh	2,00	2,00	Bổ sung theo Văn bản số 1815/UBND-TH ngày 17/04/2025 của UBND thị xã Hoài Nhon
				54	Khu TĐC phục vụ dự án Tuyến đường kết nối từ đường bộ cao tốc Bắc - Nam đến Khu Công nghiệp Hoài Mỹ, thị xã Hoài Nhon (điểm phường Hoài Hương)	Phường Hoài Hương	2,00	2,00	Bổ sung theo Văn bản số 1815/UBND-TH ngày 17/04/2025 của UBND thị xã Hoài Nhon
				55	Khu TĐC phục vụ dự án Tuyến đường kết nối từ đường bộ cao tốc Bắc - Nam đến Khu Công nghiệp Hoài Mỹ, thị xã Hoài Nhon (điểm xã Hoài Mỹ)	Xã Hoài Mỹ	2,00	2,00	Bổ sung theo Văn bản số 1815/UBND-TH ngày 17/04/2025 của UBND thị xã Hoài Nhon

Phê duyệt tại Quyết định số 898/QĐ-UBND ngày 16/03/2025				Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung				Chênh lệch diện tích sử dụng đất (ha)	Ghi chú
STT	Khu vực/dự án	Vị trí	Diện tích sử dụng đất (ha)	STT	Khu vực/dự án	Vị trí	Diện tích sử dụng đất (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (8) - (4)	(10)
				56	Khu TĐC phục vụ dự án Tuyến đường kết nối từ đường bộ cao tốc Bắc - Nam đến Khu Công nghiệp Hoài Mỹ, thị xã Hoài Nhơn (điểm xã Hoài Hải)	Xã Hoài Hải	2,00	2,00	Bổ sung theo Văn bản số 1815/UBND-TH ngày 17/04/2025 của UBND thị xã Hoài Nhơn
				57	Khu TĐC phục vụ Dự án Đường ven biển đoạn cầu Thiện Chánh đi Quảng Ngãi	Phường Tam Quan Bắc	10,00	10,00	Bổ sung theo Văn bản số 1815/UBND-TH ngày 17/04/2025 của UBND thị xã Hoài Nhơn
IX	Huyện Phù Cát			IX	Huyện Phù Cát				Bổ sung 02 dự án
				13	Các khu Tái định cư phục vụ dự án Đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc Nam đoạn qua địa bàn huyện Phù Cát	Thôn Tân Xuân, Khánh Phước, Mỹ Hóa, xã Cát Hanh và Thôn Hòa Đại, xã Cát Hiệp	14,60	14,60	Bổ sung theo Văn bản số 846/UBND-KTHT&ĐT ngày 17/04/2025 của UBND huyện Phù Cát
				14	Các khu Tái định cư phục vụ dự án Tuyến đường nối từ Quốc lộ 1 đến đường ven biển (ĐT.639) kết nối với Cảng Đề Gi	Thôn Vĩnh Trường, xã Cát Hanh; thôn Vĩnh Thành, xã Cát Tài và thôn Xuân An, xã Cát Minh	6,3	6,30	Bổ sung theo Văn bản số 846/UBND-KTHT&ĐT ngày 17/04/2025 của UBND huyện Phù Cát
X	Huyện Phù Mỹ			X	Huyện Phù Mỹ				Bổ sung 07 dự án
				12	Điểm dân cư thôn Lộc Thái	Xã Mỹ Châu	1,50	1,50	Bổ sung theo Văn bản số 651/UBND-KTHTĐT ngày 16/04/2025 của UBND huyện Phù Mỹ

Phê duyệt tại Quyết định số 898/QĐ-UBND ngày 16/03/2025				Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung				Chênh lệch diện tích sử dụng đất (ha)	Ghi chú
STT	Khu vực/dự án	Vị trí	Diện tích sử dụng đất (ha)	STT	Khu vực/dự án	Vị trí	Diện tích sử dụng đất (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (8) - (4)	(10)
				13	Điểm dân cư thôn Cửu Thành	Xã Mỹ Lộc	2,20	2,20	Bổ sung theo Văn bản số 651/UBND-KTHTĐT ngày 16/04/2025 của UBND huyện Phù Mỹ
				14	Điểm dân cư thôn Trung Hội	Xã Mỹ Trinh	3,00	3,00	Bổ sung theo Văn bản số 651/UBND-KTHTĐT ngày 16/04/2025 của UBND huyện Phù Mỹ
				15	Điểm dân cư thôn An Lạc 2	Xã Mỹ Hoà	2,20	2,20	Bổ sung theo Văn bản số 651/UBND-KTHTĐT ngày 16/04/2025 của UBND huyện Phù Mỹ
				16	Điểm dân cư thôn Thạnh An	Xã Mỹ Hiệp	3,60	3,60	Bổ sung theo Văn bản số 651/UBND-KTHTĐT ngày 16/04/2025 của UBND huyện Phù Mỹ
				17	Khu tái định cư thôn Trung Hội phục vụ dự án Tuyến đường kết nối từ Cao tốc Bắc - Nam về KCN Phù Mỹ và Bến cảng Phù Mỹ	Xã Mỹ Trinh	3,00	3,00	Bổ sung theo Văn bản số 651/UBND-KTHTĐT ngày 16/04/2025 của UBND huyện Phù Mỹ

Phê duyệt tại Quyết định số 898/QĐ-UBND ngày 16/03/2025				Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung				Chênh lệch diện tích sử dụng đất (ha)	Ghi chú
STT	Khu vực/dự án	Vị trí	Diện tích sử dụng đất (ha)	STT	Khu vực/dự án	Vị trí	Diện tích sử dụng đất (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (8) - (4)	(10)
				18	Khu tái định cư thôn Chánh Thuận phục vụ dự án Tuyến đường kết nối từ Cao tốc Bắc - Nam về KCN Phù Mỹ và Bến cảng Phù Mỹ	Xã Mỹ Trinh	5,00	5,00	Bổ sung theo Văn bản số 651/UBND-KTHTĐT ngày 16/04/2025 của UBND huyện Phù Mỹ
XI	Thị xã An Nhơn			XI	Thị xã An Nhơn				Bổ sung 03 dự án
				29	Khu dân cư Thiết Tràng (Khu LK-02, 03, 05, 06)	Xã Nhơn Mỹ	4,00	4,00	Bổ sung theo Văn bản số 631/UBND ngày 16/04/2025 của UBND thị xã An Nhơn
				30	Khu tái định cư thôn Thuận Đức xã Nhơn Mỹ	Xã Nhơn Mỹ	5,00	5,00	Bổ sung theo Văn bản số 631/UBND ngày 16/04/2025 của UBND thị xã An Nhơn
				31	Khu dân cư phía Bắc khu tái định cư đường Trần Nguyên Hãn	Phường Nhơn Hòa	7,00	7,00	Bổ sung theo Văn bản số 631/UBND ngày 16/04/2025 của UBND thị xã An Nhơn

* **Ghi chú:** Tên dự án, diện tích sử dụng đất, diện tích đất ở... của các dự án sẽ được xem xét, xác định cụ thể trong bước quy hoạch chi tiết, chủ trương đầu tư của dự án, phù hợp theo quy định.